

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04 – 11 – 2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Kim Nguyễn.

- Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 845/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 835/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Chị Nguyễn Chúc H, sinh năm: 1986 (có mặt).

– Bị đơn: Anh Trần Trung T (N), sinh năm: 1987 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/10/2019 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Chúc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Trung T chung sống vợ chồng vào năm 2016, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị là do xuất phát từ tài chính, bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vẫn còn nhưng không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị xác định không có.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại tòa anh Trần Trung T trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như lời chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định không có

Về tài sản chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Chúc H, anh Trần Trung T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H, anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị H, anh T xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị H, anh T khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Chúc H và anh Trần Trung T là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị H phải chịu 300.000đ. Ngày 04 tháng 10 năm 2019, chị H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000860 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Thu